

Số: 1139/QĐ-SGTVT

Ninh Bình, ngày 23 tháng 05 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh Phương án khai thác
tuyến vận tải hành khách nội tỉnh bằng xe buýt

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI NINH BÌNH

Căn cứ Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 03/4/2009 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức của Sở GTVT Ninh Bình;

Căn cứ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính Phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 23/04/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch mạng lưới các tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2020 và định hướng đến năm 2050;

Căn cứ Văn bản số 235/KHVT ngày 15/05/2017 của Công ty CPVT ô tô Ninh Bình về việc điều chỉnh phương án khai thác tuyến xe buýt số 02 (TP Ninh Bình - QL10 - Kim Đông);

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý VTPTNL Sở GTVT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt, cụ thể như sau:

1. Tên tuyến: **TP Ninh Bình - QL10 - Kim Đông** và ngược lại.
2. Đơn vị khai thác: Công ty CPVT ô tô Ninh Bình
3. Số hiệu tuyến: 02
4. Điểm đầu: Trạm dừng nghỉ Nam Thành (thuộc TP Ninh Bình);
5. Điểm cuối: Bến xe Kim Đông (thuộc huyện Kim Sơn);
6. Hành trình chạy xe: Trạm dừng nghỉ Nam Thành (TP Ninh Bình) - Đường Tuệ Tĩnh - Đường Lê Thái Tổ - Đường Hải Thượng Lãn Ông - Đường 30/6 - Cầu Lim - Đường Nguyễn Công Trứ - Quốc lộ 10 - ĐT.481D - Cống Cà Mâu - QL12B kéo dài - Bến xe Kim Đông và ngược lại.
7. Cự ly: 51km;
8. Các điểm dừng trên tuyến: 38 cặp điểm (theo phụ lục 1 đính kèm)

9. Thời gian hoạt động trong ngày của tuyến:

- Thời gian mở tuyến: 05h00

- Thời gian đóng tuyến: 18h30

10. Biểu đồ chạy xe: 36 chuyến/ngày (theo phụ lục 2 đính kèm).

11. Phương tiện tham gia khai thác tuyến: 17 xe (theo phụ lục 3 đính kèm).

Màu sơn đặc trưng của xe khai thác tuyến: Vàng - Đỏ.

12. Giá vé:

* Giá vé hành khách:

- Chặng 1 (Từ TP. Ninh Bình đến TT Yên Ninh và ngược lại):

13.000 đồng/HK/lượt

- Chặng 2 (Từ TT Yên Ninh đến Cống Cà Mâu và ngược lại):

13.000 đồng/HK/lượt

- Chặng 3 (Từ TP Ninh Bình đến Cống Cà Mâu và ngược lại):

22.000 đồng/HK/lượt

- Chặng 4 (Từ Cống Cà Mâu đến BX Kim Đông và ngược lại):

13.000 đồng/HK/lượt

- Giá vé cả tuyến:

32.000 đồng/HK/lượt

- Giá vé tháng:

1.340.000 đồng/HK/tháng


* Giá cước hành lý

- Hành lý được miễn cước: không quá 20kg và có kích thước phù hợp với thiết kế của xe.

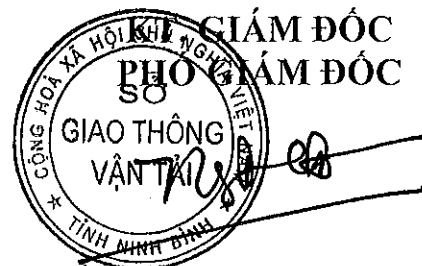
- Hành lý vượt quá mức miễn cước: 2000 đồng/1kg và có kích thước phù hợp với thiết kế của xe.

Điều 2. Công ty CPVT ô tô Ninh Bình triển khai tổ chức khai thác tuyến xe buýt TP Ninh Bình - QL10 - Kim Đông theo đúng các quy định về tổ chức và quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô hiện hành.

Điều 3. Các ông Trưởng phòng Quản lý VTPTNL, Trưởng phòng Quản lý KCHTGT, Chánh Thanh tra Sở GTVT, Giám đốc Công ty CPVT ô tô Ninh Bình và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- TC Đường bộ VN
- UBND Tỉnh
- Giám đốc Sở
- Các phó GD. Sở;
- Đài PTTH và Báo Ninh Bình;
- UBND: TP Ninh Bình; huyện Yên Khánh; Huyện Kim Sơn;
- XN bến xe khách NB;
- Các phòng, ban của Sở;
- Lưu: VT, QLVT.



Nguyễn Văn Hanh

Phụ lục 1

C ĐIỂM DỪNG XE BUÝT
TUYÊN SỐ 02/TP NINH BÌNH - QL10 - KIM ĐỘNG
 (Kèm theo Quyết định số 139/QĐ-SGTVT ngày 23/5/2017)

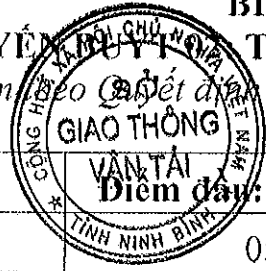


STT	Vị trí điểm dừng	Lượt đi	Lượt về
1	Trạm dừng nghỉ Nam Thành	Điểm đầu tuyến	
2	Khu vực Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình	Cách cổng chính BV 50m	Cách cổng chính BV 50m
3	Khu vực Bệnh viện Sản -- Nhi	Cách cổng BV 20m	Cách cổng BV 30m
4	Khu vực cổng Chùa Phúc Chính	Cách cổng Chùa 20m	Cách cổng Chùa 30m
TRÊN QL10			
5	Khu vực Bến xe khách Ninh Bình	Km138+400	Km138+350
6	Khu vực gầm cầu vượt Thanh Bình		
7	Khu vực nhà 5 tầng (Nhà máy điện)	Km139+600	Km139+570
8	Khu vực Ngã 3 đường vào trường Chính trị tỉnh	Km140+000	Km139+970
9	Khu vực Ngã 3 Ninh Sơn	Km140+650	Km140+670
10	Khu vực Chợ Bích Đào	Km140+900	Km140+870
11	Khu vực Ngã 3 đường vào T.tâm SHL.X Thành Nam	Km141+200	Km141+170
12	Khu vực Ngã 4 Ninh Phúc	Km141+550	Km141+570
13	Khu vực Ngã 4 Xí nghiệp gạch Ninh Phúc	Km142+500	Km142+530
14	Khu vực Ngã 3 Khu công nghiệp Khánh Phú	Km144+200	Km144+230
15	Khu vực Ngã 3 Khánh An	Km145+300	Km145+330
16	Khu vực Ngã 3 Thông	Km147+200	Km147+230
17	Khu vực Ngã 3 Khánh Vân	Km149+800	Km149+900
18	Khu vực Sân vận động Yên Khánh	Km151+450	Km151+480
19	Khu vực Chợ Ninh	Km151+950	Km152+100
20	Khu vực Ngã 4 Bệnh viện Yên Khánh	Km152+800	Km153+000
21	Khu vực Ngã 4 Khánh Nhạc	Km154+670	Km154+650
22	Khu vực Trại Giồng Khánh Nhạc	Km157+750	Km157+800
23	Khu vực Ngã 3 đường Quan	Km159+100	Km159+150
24	Khu vực Ngã 3 đường ngang Ân Hòa	Km161+300	Km161+400
25	Khu vực Cầu Quy Hậu	Km162+600	Km163+000
26	Khu vực UBND xã Quang Thiện	Km164+500	Km164+530
27	Khu vực đầu Thị trấn Phát Diệm	Km165+800	Km165+830
28	Khu vực Bưu điện Kim Sơn	Km166+300	Km166+330
29	Khu vực UBND Huyện Kim Sơn	Km167+000	Km167+030
30	Khu vực ngã ba Nhà thờ đá Phát Diệm	Km167+400	Km167+430

	TRÊN QUỐC LỘ 12B KÉO DÀI		
31	Khu vực Cổng Cà Mâu	Km17+600	Km17+500
32	Khu vực Cầu vượt Định Hóa (ĐT.481)	Km15+250	Km15+170
33	Khu vực Chợ Văn Hải	Km11+850	Km11+750
34	Khu vực Cầu Việt – Nhật	Km10+350	Km10+280
35	Khu vực Cầu Kim Mỹ	Km9+410	Km9+330
36	Khu vực Chợ Cồn Thoi	Km6+970	Km6+900
37	Khu vực Bru điện Thị trấn Bình Minh	Km5+900	Km5+800
38	Khu vực Bến xe TT Bình Minh	Km3+200	Km3+100
39	Khu vực Trạm xá xã Kim Đông	Km2+500	Km2+400
40	Bến xe Kim Đông	Điểm cuối tuyến	

Phụ lục 2

BIỂU ĐỒ CHẠY XE
TUYẾN XE ĐÓNG BỀN - TP NINH BÌNH - QL10 - KIM ĐÔNG
 (Kèm theo Quyết định số 129/QĐ-SGTVT ngày 23/5/2017)



Số chuyến	Điểm đầu: TP Ninh Bình	Điểm cuối: Bến xe Kim Đông
Chuyến số 1	05h30	05h00
Chuyến số 2	05h55	05h20
Chuyến số 3	06h20	05h40
Chuyến số 4	06h45	06h00
Chuyến số 5	07h10	06h20
Chuyến số 6	07h35	06h40
Chuyến số 7	08h00	07h00
Chuyến số 8	08h25	07h20
Chuyến số 9	08h45	07h40
Chuyến số 10	09h05	08h00
Chuyến số 11	09h25	08h20
Chuyến số 12	09h45	08h40
Chuyến số 13	10h05	09h00
Chuyến số 14	10h25	09h20
Chuyến số 15	10h45	09h40
Chuyến số 16	11h10	10h00
Chuyến số 17	11h35	10h20
Chuyến số 18	12h00	10h45
Chuyến số 19	12h25	11h10
Chuyến số 20	12h50	11h35
Chuyến số 21	13h15	12h00
Chuyến số 22	13h35	12h20
Chuyến số 23	13h55	12h40
Chuyến số 24	14h15	13h00
Chuyến số 25	14h35	13h20
Chuyến số 26	14h55	13h40
Chuyến số 27	15h15	14h00

Chuyến số 28	15h35	14h20
Chuyến số 29	15h55	14h40
Chuyến số 30	16h15	15h00
Chuyến số 31	16h35	15h20
Chuyến số 32	16h55	15h40
Chuyến số 33	17h15	16h00
Chuyến số 34	17h40	16h20
Chuyến số 35	18h05	16h40
Chuyến số 36	18h30	17h00

Phụ lục 3

**DANH SÁCH CÁC HƯƠNG TIỆN THAM GIA KHAI THÁC
TUYÊN BUYT 02/CTP NINH BÌNH - QL10 - KIM ĐỒNG**
(Kèm theo Quyết định số 1139/QĐ-SGTVT ngày 23/5/2017)



TT	Biển số xe	Loại hình	Số ghế	Năm SX
1	35B-010.47	County	21 (ngồi) + 19 (đứng)	2017
2	35B-009.51	County	21 (ngồi) + 19 (đứng)	2016
3	35B-006.28	County	21 (ngồi) + 19 (đứng)	2015
4	35B-007.52	County	21 (ngồi) + 19 (đứng)	2015
5	35B-009.01	County	21 (ngồi) + 19 (đứng)	2015
6	35B-009.58	County	21 (ngồi) + 19 (đứng)	2015
7	35B-008.20	County	21 (ngồi) + 19 (đứng)	2016
8	35B-000.36	Ba hai	27 (ngồi) + 23 (đứng)	2011
9	35B-010.96	County	21 (ngồi) + 19 (đứng)	2017
10	35B-009.91	County	21 (ngồi) + 19 (đứng)	2017
11	35B-009.96	County	21 (ngồi) + 19 (đứng)	2016
12	35B-008.81	County	21 (ngồi) + 19 (đứng)	2016
13	35B-008.95	County	21 (ngồi) + 19 (đứng)	2016
14	35N-5521	Transinco	25 (ngồi) + 25 (đứng)	2007
15	35B-011.00	County	21 (ngồi) + 19 (đứng)	2017
16	35B-000.76	Ba hai	27 (ngồi) + 23 (đứng)	2011
17	35B-000.86	Ba hai	27 (ngồi) + 23 (đứng)	2011

